

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÙ NINH  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2023

V/v tranh chấp về ly hôn, con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phùng Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hoa

Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp về ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022. Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Đ, sinh năm 2001.

HKTT: khu 11, xã A, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: khu 16, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ, xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Anh Đào Anh C, sinh năm 1991.

HKTT: khu 11, xã A, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: khu 9, xã A, huyện P, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn – chị Trần Thị Đang trình bày:*

Chị và anh Đ Anh C kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện P, tỉnh Phú Thọ ngày 22/9/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình chồng tại khu 11, xã A, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh, chị không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dù đã được gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tháng 10/2022, chị đã chuyển về sống tại nhà bố mẹ đẻ ở huyện T, chị và anh C đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc và thực tế anh, chị không còn chung sống,

không còn liên lạc với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đào Nhật H, sinh ngày 09/11/2021. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cháu H và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là anh Đào Anh C vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.*

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án bao gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để anh C biết và thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nhưng vẫn không có bản tự khai và quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

*Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Đ, cho chị Đang được ly hôn anh C. Về con chung: giao cháu Đào Nhật H, sinh ngày 09/11/2021 cho chị Đang trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Buộc chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

- Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2]. Về nội dung:

- Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn thấy rằng:

Chị Trần Thị Đ và anh Đào Anh C kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện P, tỉnh Phú Thọ ngày 22/9/2021 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị Đ cho rằng hôn nhân không có hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Từ tháng 10/2022 đến nay vợ chồng sống ly không còn quan tâm, liên lạc với nhau, chị Đ sống tại huyện T, tỉnh Phú Thọ còn anh C vẫn sống tại nhà bố mẹ đẻ ở xã A, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Anh C không có văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có bản tự khai. Quá trình giải quyết vụ án đã xác minh anh C vẫn đăng ký hộ khẩu tại địa phương và sinh sống cùng bố mẹ đẻ. Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh C qua thân nhân là mẹ đẻ anh C theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì bà Hoàng Thị Thúy P1 (mẹ đẻ của anh C) xác nhận vợ chồng anh C sống ly thân như chị Đ đang trình bày và hiện nay anh C đang ở với bà tại khu 9, xã A, huyện P. Khi chị Đ và anh C có mâu thuẫn có nói cho bà biết và anh C đã biết việc chị Đ khởi kiện ly hôn anh C tại Tòa án nhưng tại sao anh C không đến Tòa án để giải quyết vụ án thì bà không biết. Tòa án xác minh tại UBND xã A và trưởng khu 9, xã A thì chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật nhưng ưu tiên đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ và quyền lợi của trẻ em dưới 36 tháng tuổi.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Đ, anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau như chị Đ trình bày là đúng. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các Giấy báo, Thông báo, Quyết định của Tòa án cho anh C. Anh C đã nhận, biết các thông báo của Tòa án nhưng anh không đến Tòa án để tham gia tố tụng, cũng không có bất kỳ động thái nào để giải quyết mâu thuẫn, vun đắp cuộc sống hôn nhân. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là có cơ sở, cần chấp nhận.

- Về con chung: Lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại UBND xã A đều xác định anh C và chị Đ có 01 con chung là cháu Đào Nhật H, sinh ngày 09/11/2021. Cháu H dưới 36 tháng tuổi và hiện đang sống cùng chị Đ nên cần giao cháu H cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ do chị Đ tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Đ không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Đ.

Cho chị Trần Thị Đang ly hôn anh Đào Anh C.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đào Nhật H, sinh ngày 09/11/2021 cho chị Trần Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Đ do chị Đ tự nguyện không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Đ đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001270 ngày 14/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã A, P, Phú Thọ;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phùng Thị Thu Hương**